TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy,** Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Vương**-Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công Kivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1987. Trú tại:Số nhà 11A, tổ 5, phường QH, quận CG, HN. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1983. Trú tại: Số nhà 57, tổ 7, khu TX, thị trấn XM, huyện CM, HN. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Phạm Quốc T, sinh năm 1983, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường QH, quận CGH, HN vào ngày 16 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời và nợ nần rất nhiều. Sau nhiều lần khuyên can không được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012, cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015. Hiện tại, hai con chung đang ở với chị H. Nguyện vọng của chị H là xin tiếp tục được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Phạm Quốc T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không lên Tòa án làm việc. Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của anh T.

Quá trình làm việc, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Đỗ Thị K – mẹ đẻ của anh Phạm Quốc T. Theo Biên bản lấy lời khai, bà Đỗ Thị K trình bày:

Anh T và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường QH, quận CG, HN vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng, thỉnh thoảng lại ra nhà của bố mẹ chị H sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau bình thường không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, do anh T làm ăn thua lỗ nên vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện, anh T vẫn trú tại khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai, huyện CM, HN. Nay chị H nộp đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình là mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì gia đình cũng không phản đối, tùy chị H quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh T và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015. Nếu anh T và chị H ly hôn thì gia đình mong muốn các cháu được chung sống cùng nhau. Chị H muốn nuôi con thì gia đình cũng đồng ý. Về tài sản chung: Vợ chồng anh T và chị H không có tài sản chung nên không đề nghị giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của

nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn anh Phạm Quốc T. Về con chung: Hiện tại, 02 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015 đang ở với chị H và đều có nguyện vọng xin ở với mẹ nên đề nghị HĐXX giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụán được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quốc T trú tại tổ dân phố TX, thị trấn XM, huyện CM, HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng anh Phạm Quốc T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Nguyễn Thị Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường QH, quận CG, HN năm 2012 nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị H và bà K (mẹ đẻ của anh T): Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T làm ăn thua lỗ, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu của chị H xin ly hôn, anh T không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến và phương án để hai vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015. Xét thấy, cháu H và cháu N hiện đang ở với mẹ là chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ.Chị H có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, việc giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị H pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

2. Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015.

Chị Nguyễn Thị Minh H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Phạm Ánh Minh N, sinh ngày 28/02/2015 cho đến khi cháu H, cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theoBiên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075420 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, HN.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Minh H, anh Phạm Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
-UBND phường QH,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CG, HN (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

Nguyễn Việt Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA